

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2026

V/v: *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út

2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh ngày 16/8/2002. CCCD số 086302003358. Địa chỉ: Số D, tổ F, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh ngày 08/10/1999. CCCD số 086099004326. Địa chỉ: Số I, tổ F, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như biên bản không tiến hành hoà giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G theo trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2022, bà G và ông T có quen biết nhau và đi đến hôn nhân, hai người có tổ chức đám cưới vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 20/7/2022.

Sau khi kết hôn thì bà G và ông T sinh sống tại nhà của gia đình ông T. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Đến tháng 8/2023 bà G đã về nhà mẹ ruột một thời gian, sau đó đi làm ở Đồng Nai, ông T và bà G đã ly thân năm 2023 cho đến nay. Nay bà G nhận thấy không còn tình cảm với ông T, nên bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 11/12/2022. Hiện nay con chung đang sống cùng với ông T, trong thời gian ông T nuôi dưỡng bà G thỉnh thoảng về thăm con. Do bà G đi làm xa không khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con, nên sau khi ly hôn bà G đồng ý giao con cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà G không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà G không yêu cầu giải quyết.

Ngày 28/4/2026, bà Nguyễn Thị Hồng G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Lý do bạn đi làm xa không tham dự phiên tòa.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập ông Nguyễn Tấn T đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, ông T không có ở nhà cha mẹ có nhận thay, nên Tòa án đã thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật. Đến ngày làm việc, ông T không đến và không gửi bản khai ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu ly hôn với ông, do bị đơn đã triệu tập 02 lần không đến, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vắng mặt, do có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa xét xử, người thân nhận thay, đến ngày xét xử lần 2 ông T không đến vẫn vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Hồng G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng

dân sự 2015. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Hồng G.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Ông Nguyễn Tấn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số I, tổ F, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng G do kết hôn với ông Nguyễn Tấn T, sau đó cả hai đi đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T,, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 20/7/2022, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn bà G có lời trình bày sau khi kết hôn thì bà G và ông T sinh sống tại nhà của gia đình ông T. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Đến tháng 8/2023 bà G đã về nhà mẹ ruột một thời gian, sau đó đi làm ở Đồng Nai, ông T và bà G đã ly thân năm 2023 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Hồng G có đơn xin vắng mặt và ông Nguyễn Tấn T vắng mặt. Xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Nguyễn Tấn T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 11/12/2022, Hiện nay con chung đang sống cùng với ông T, trong thời gian ông T nuôi dưỡng bà G thỉnh thoảng về thăm con. Do bà G đi làm xa không khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con, nên sau khi ly hôn bà G đồng ý giao con cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy con chung Cát T1 hiện nay đang sinh sống ổn định cùng với ông T. Tránh để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống và phát triển của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Nguyễn Ngọc Cát T1 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Bà Nguyễn Thị Hồng G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở bà G thực hiện quyền này. Trong trường hợp bà G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà G được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng G không cấp dưỡng nuôi con và ông Nguyễn Tấn T không có bản khai, ý kiến trình bày yêu cầu bà G thực hiện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đưa ra giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đưa ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 11/12/2022. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Cát T1 cho ông Nguyễn Tấn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Hồng G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở bà G thực hiện quyền này. Trong trường hợp bà G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà G .

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng G không cấp dưỡng nuôi con, ông T vắng mặt, không có yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002823 ngày 10/02/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Nguyễn Thị Hồng G đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G và bị đơn ông Nguyễn Tấn T vắng mặt phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết công khai tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Diệp